



Tạp chí Khoa học và Kinh tế Phát triển
Trường Đại học Nam Cần Thơ

Website: jsde.nctu.edu.vn



**Phát triển du lịch bền vững và thích ứng cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long:
Chính sách đổi mới định hướng sứ mệnh**

Nguyễn Khánh Tùng^{1*}, Nguyễn Phương Duy¹, Nguyễn Du Hạ Long²

¹Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ

²Khoa Du lịch và Quản trị Nhà hàng - Khách sạn, Trường Đại học Nam Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm bài viết: Nguyễn Khánh Tùng (email: khanhtung@cantho.gov.vn)

Ngày nhận bài: 9/10/2024

Ngày phân biện: 7/11/2024

Ngày duyệt bài: 11/12/2024

Title: *Fostering sustainable and resilient tourism for the Vietnamese Mekong delta: Mission - oriented innovation policy*

Keywords: *mission - oriented innovation, resilient tourism, sustainable tourism*

Từ khóa: *du lịch bền vững, du lịch thích ứng, đổi mới theo định hướng sứ mệnh*

ABSTRACT

In the current era, known as the “new normal”, the importance of sustainable and resilient tourism in the face of climate change has become increasingly apparent. As a result, it is necessary to take drastic measures to readjust and rationalize public policies and investments in this sector. These policies should be developed through cross-sectoral collaboration and coordination between various stakeholders, including the public sector, private sector, and community initiatives. Furthermore, it is important to recognize the potential of science, technology, and innovation (STI) in achieving the Sustainable Development Goals (SDGs) for the tourism industry. To this end, this study proposes a Mission-Oriented Innovation Policy road mapping framework (MOIP) for the mission of “Sustainable and Resilient Tourism Development”. The article serves as a case study, demonstrating the application of the MOIP approach in developing policies for sustainable tourism in Vietnam and the Mekong Delta region.

TÓM TẮT

Phát triển du lịch bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu trong bối cảnh mới đòi hỏi phải có các hành động tái điều chỉnh và hợp lý hóa các chính sách công và đầu tư cho ngành. Những chính sách này cần tiếp cận theo hướng liên kết xuyên ngành và phối hợp đa bên (khu vực công, khu vực tư nhân và các sáng kiến cộng đồng). Ngoài ra, nhận thức được tiềm năng của khoa học, công nghệ và đổi mới trong hành động hướng tới các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) cho ngành du lịch, nghiên cứu này

đề xuất một khung lộ trình chính sách đổi mới theo định hướng sứ mệnh (MOIP, Mission-Oriented Innovation Policy) cho nhiệm vụ ‘Phát triển du lịch bền vững và thích ứng’. Bài viết là một nghiên cứu trường hợp minh họa cho việc áp dụng các bước phân tích theo cách tiếp cận MOIP trong chính sách phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

1. GIỚI THIỆU

Các rủi ro và sự không chắc chắn trong môi trường du lịch toàn cầu đang ngày càng gia tăng. Thay đổi môi trường và khí hậu đang khuếch đại tần suất và mức độ nghiêm trọng của các hiện tượng thời tiết cực đoan, thiên tai, dịch bệnh và làm giảm sức hấp dẫn của nhiều điểm đến theo nhiều cách khác nhau. Những tác động này đe dọa đến tiềm năng phát triển, khả năng tạo việc làm và sức cạnh tranh của ngành du lịch toàn cầu. Khi các rủi ro xảy ra thường xuyên hơn, nguy cơ gián đoạn và tổn thất của ngành cũng tăng theo. Do đó, ngày nay các quốc gia trên thế giới đang đặt mục tiêu xây dựng lại ngành du lịch của họ theo hướng bền vững và có khả năng thích ứng, chống chịu trước các yếu tố không chắc chắn.

Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng hai khái niệm “du lịch bền vững” và “du lịch thích ứng” để làm cơ sở và mục tiêu hướng đến cho các chính sách đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong ngành du lịch. Trong đó, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO) định nghĩa du lịch bền vững là “du lịch có tính đến đầy đủ các tác động kinh tế, xã hội và môi trường ở cả hiện tại và tương lai, giải quyết nhu cầu của du khách, của ngành, môi trường và cộng đồng sở tại”. Đối với khái niệm thích ứng (resilience), có thể được định nghĩa là khả năng chống chịu trước rủi ro hoặc quay lại trạng thái ổn định sau khi trải qua rủi ro đó, hoặc là một quá trình tương tác giữa

các yếu tố rủi ro và biện pháp phòng ngừa khác nhau. Trong bối cảnh ngành du lịch, thích ứng được định nghĩa là “khả năng của ngành trong việc chủ động giải quyết các rủi ro và khủng hoảng nhằm duy trì sự ổn định, đồng thời đảm bảo tính linh hoạt và đa dạng cần thiết cho sự đổi mới và phát triển hơn nữa” (Lamhour et al., 2023) [3].

Trong bối cảnh Việt Nam nói chung và vùng Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng, các chính sách ĐMST từ khu vực công cho ngành du lịch vẫn chưa nhận được sự quan tâm thích hợp, cũng như chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng và được khái niệm hóa một cách khoa học. Do đó, việc nghiên cứu các chính sách ĐMST khu vực công cho ngành du lịch là cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn. Với nhiệm vụ phát triển ngành du lịch bền vững và thích ứng, bài viết sử dụng khung chính sách ĐMST định hướng sứ mệnh (Mission-Oriented Innovation Policy, sau đây gọi tắt là MOIP) để phân tích bối cảnh phát triển du lịch cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Bài viết được cấu trúc gồm 4 phần, sau phần Giới thiệu, tác giả trình bày phương pháp tiếp cận và dữ liệu nghiên cứu tại Phần 2. Phần 3 trình bày kết quả phân tích của Khung MOIP áp dụng cho nhiệm vụ phát triển du lịch bền vững và thích ứng. Phần cuối cùng sẽ cung cấp kết luận và một số kiến nghị trong khuôn khổ nghiên cứu này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Khung tiếp cận ĐMST theo định hướng sứ mệnh (MOIP)

Trong các cách tiếp cận chính sách ĐMST, có ba mô hình chính thường được áp dụng (xem Bảng 1) bao gồm: định hướng năng lực (capacity - oriented), định hướng hệ thống (system - oriented) và định hướng sứ mệnh (mission - oriented). Các chính sách hiện tại có xu hướng phát triển theo hướng hoàn thiện liên tục và phải bao gồm nhiều bên liên quan để đảm bảo có thể giải quyết tính phức tạp của các mục tiêu phát triển. Các chính sách ĐMST khu vực công truyền thống đang tồn tại một số nhược điểm như thiếu sự định hướng, hoặc sự định hướng còn yếu, thiếu sự phối hợp toàn diện trong các chính sách (Tabatadze & Kumpf, 2022) [5]. Do đó, một số quốc gia trên thế giới đã và đang bắt đầu thử nghiệm với nhiều loại hình can thiệp chính sách mang tính hệ thống - đây cũng là khung tiếp cận trung tâm của bài viết này - Chính sách đổi mới định hướng sứ mệnh (Mission-oriented Innovation Policy, MOIP). Đây được coi là sự bù đắp cho một số thiếu sót của hai mô hình cũ. Cụ thể, mô hình ĐMST theo định hướng năng lực bị chỉ trích vì quá ưu tiên cho các doanh nghiệp quy mô lớn mà bỏ qua tiềm năng của các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các tiểu ngành mới nổi; trong khi mô hình định hướng hệ thống cần phải tốn rất nhiều thời gian để xây dựng các cấu trúc hệ thống bền vững, tuy nhiên phần lớn những gì được xây dựng không thể tồn tại lâu dài vì nó phụ thuộc vào nguồn tài chính của dự án (Hjalager & von Gesseneck, 2020) [2].

Chính sách MOIP có thể được định nghĩa là các chính sách công mang tính hệ thống dựa trên nền tảng kiến thức tiên phong để đạt được

các mục tiêu cụ thể. Nói cách khác, MOIP là “một nhánh khoa học lớn được triển khai để giải quyết các vấn đề lớn” (Mazzucato, 2018) [4]. MOIP được nhận dạng dưới hình thức là một gói phối hợp chính sách và các thiết chế pháp lý được điều chỉnh đặc biệt nhằm huy động khoa học, công nghệ và ĐMST để giải quyết các vấn đề đã được xác định rõ ràng liên quan đến các thách thức kinh tế - xã hội trong một khung thời gian nhất định (Hiến et al., 2021) [1].

Các nhà hoạch định chính sách ngày càng nhận ra rằng những thách thức lớn của thế giới đang gặp phải không thể giải quyết được nếu chỉ thông qua các giải pháp thị trường. Những thách thức phức tạp trên đòi hỏi những ĐMST căn bản, và từ nhiều lĩnh vực của nền kinh tế để thay đổi quỹ đạo của chúng. Trên thực tế, các nhà hoạch định chính sách đang tìm kiếm một cách tiếp cận khác về tăng trưởng kinh tế như tăng trưởng thông minh, toàn diện và bền vững. Cách tiếp cận này đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều bên liên quan không chỉ từ khu vực công, khu vực tư nhân mà còn có các sáng kiến từ nhóm cộng đồng (Hình 1).

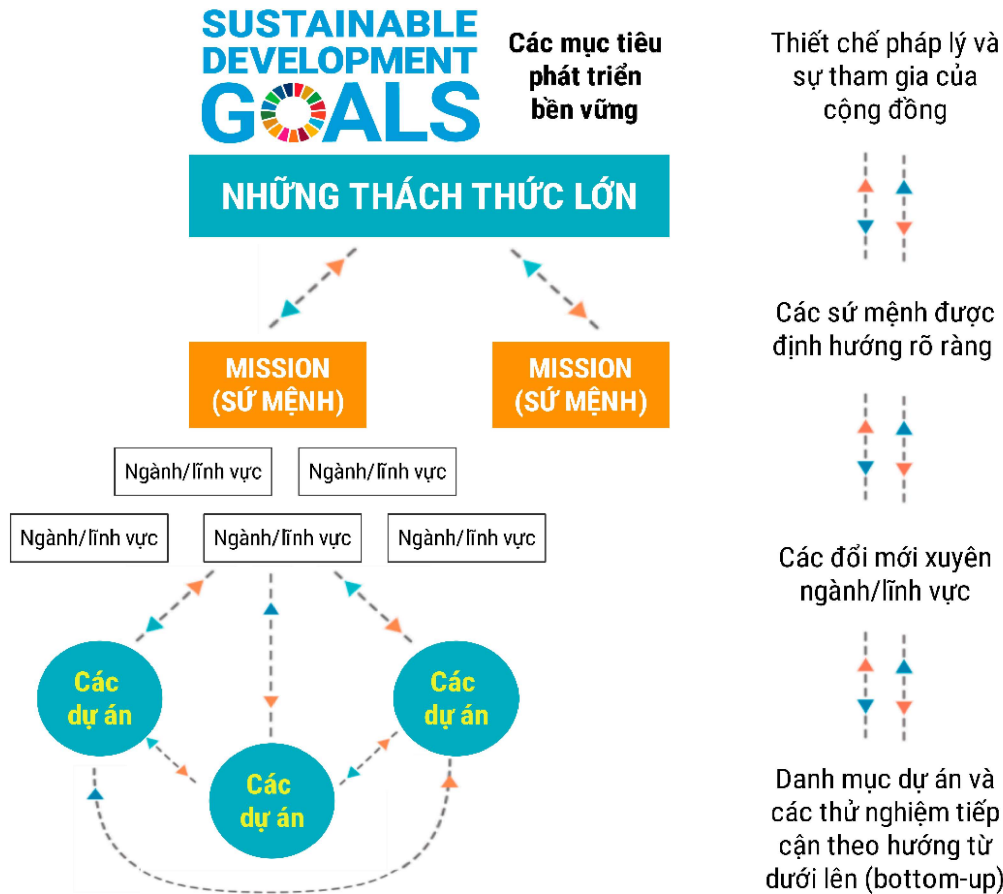
Trong nghiên cứu này, khung MOIP được nhóm tác giả áp dụng cho một thách thức phát triển kinh tế xã hội bền vững dựa vào ngành du lịch. Trong đó, ‘sứ mệnh’ (mission) được xác định là phát triển ngành du lịch bền vững, có khả năng thích ứng với các thay đổi trong kỷ nguyên mới.

2.2 Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng các nguồn thông tin và dữ liệu thứ cấp được công bố trong các báo cáo, tài liệu chính thống, công bố khoa học, các dự án, nghiên cứu liên quan đến chủ đề du lịch bền vững, du lịch thích ứng và chính sách phát triển du lịch ở các cấp.

Bảng 1. So sánh các mô hình chính sách đổi mới sáng tạo

	Định hướng năng lực	Định hướng hệ thống	Định hướng sứ mệnh
Mục tiêu chính	Gỡ bỏ các rào cản ĐMST và thực thi	Lựa chọn và xúc tiến các hoạt động và các ngành có triển vọng	Giải quyết các vấn đề xã hội cấp bách, đồng thời tạo ra lợi thế kinh doanh
Sự tương tác giữa các chủ thể khu vực công và tư nhân	Mô hình 2 tác nhân: Nhà nước và Doanh nghiệp	Mô hình 3 tác nhân: Nhà nước, Doanh nghiệp và Viện-trường đại học	Mô hình 5 tác nhân: Nhà nước, Doanh nghiệp, Viện-trường đại học, Tổ chức Phi chính phủ (NGO) và Khách hàng.
Điểm mạnh	- Quy trình nhanh gọn	- Sự tham gia của nhiều chủ thể, có sự linh hoạt của địa phương, và tăng tính minh bạch.	- Giải quyết được các vấn đề công nan giải (<i>wicked problems</i>); - Tạo ra tiên bộ xã hội đi đôi với chuyển đổi kinh tế.
Điểm yếu	- Có sự thiên lệch do quá ưu tiên cho doanh nghiệp quy mô lớn.	- Mất nhiều thời gian; - Rủi ro lãng phí nguồn lực công; - Thiếu tầm nhìn về không gian.	- Các mối quan hệ nhân quả phức tạp. - Cần có cam kết dài hạn của các bên.
Mô số ví dụ về các công cụ chính sách	- Trợ cấp nghiên cứu & phát triển (R&D); - Đầu tư cơ sở hạ tầng và giao thông.	- Thúc đẩy hợp tác giữa trường Đại học và doanh nghiệp, quan hệ đối tác giữa các SME; - Các mô hình dịch vụ tư vấn; vườn ươm, giáo dục và đào tạo.	- Thực hiện R&D đối với các vấn đề công nan giải; - ‘Nhập khẩu’ các tri thức quan trọng; - Thử nghiệm chính sách với hỗ trợ từ các tổ chức phi chính phủ, người dân và khách hàng.



Hình 1. Từ thách thức lớn đến sứ mệnh và các hành động theo các tiếp cận MOIP

Nguồn: Hiệu chỉnh từ Mazzucato (2018)

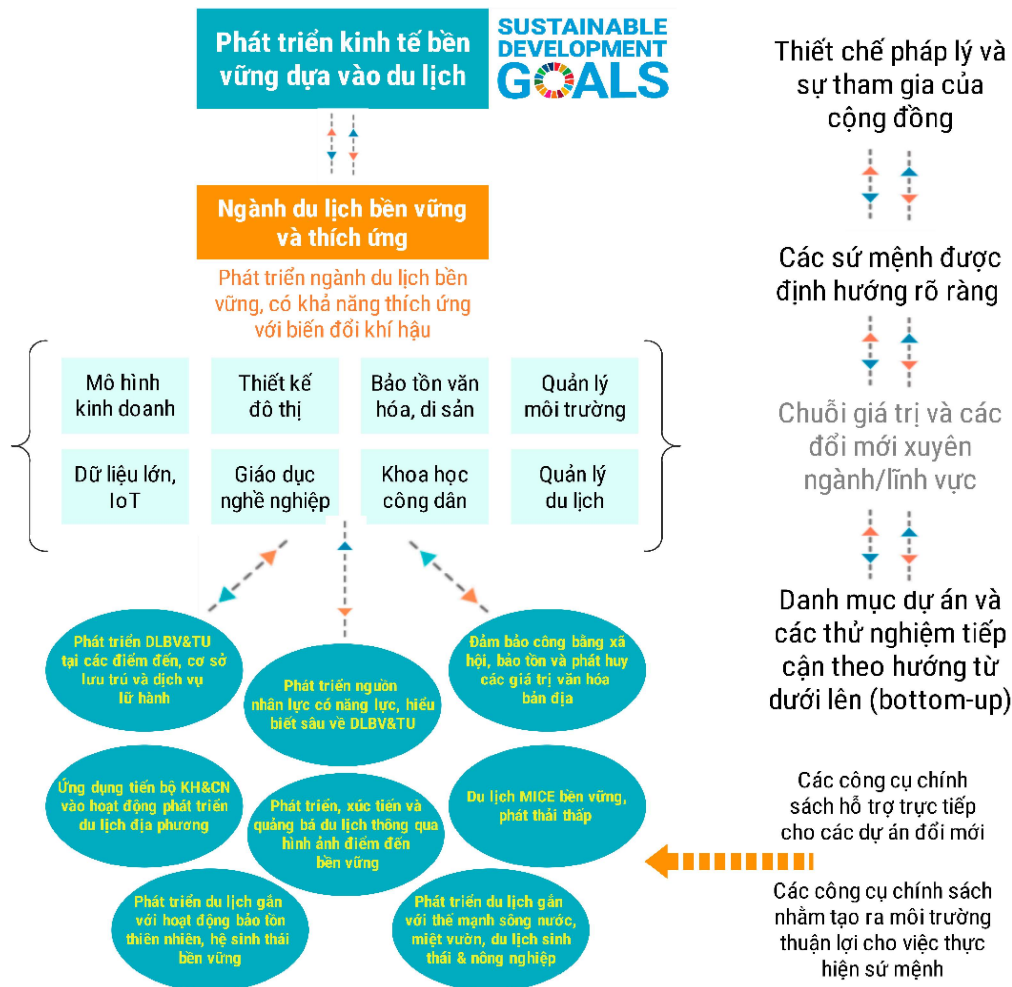
3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1 Kết quả áp dụng Khung MOIP cho phát triển du lịch bền vững và thích ứng

Các chính sách MOIP đề cập đến các cách tiếp cận chiến lược được khu vực công hoặc các bên liên quan khác thực hiện để thúc đẩy ĐMST và đạt được các mục tiêu xã hội cụ thể. Trong bối cảnh phát triển du lịch, các chính sách MOIP sẽ tập trung vào việc thúc đẩy ĐMST để giải quyết những thách thức và cơ hội chính trong ngành du lịch. Hình 2 trình bày kết quả áp dụng khung MOIP hướng tới sứ mệnh phát triển du lịch bền vững và thích ứng. Trong đó, để giải quyết thách thức về phát triển kinh tế bền vững dựa vào ngành du lịch, chúng

tôi xác định sứ mệnh xây dựng ngành du lịch bền vững và có khả năng thích ứng với các thay đổi toàn cầu.

Với sứ mệnh được định hướng rõ ràng, các lĩnh vực/ngành có liên quan để phục vụ triển khai ĐMST được xác định bao gồm: Quản lý du lịch, thiết kế đô thị, quản lý môi trường, bảo tồn văn hóa - di sản, quản lý mô hình kinh doanh, ứng dụng khoa học công nghệ, khoa học công dân và giáo dục nghề nghiệp. Các lĩnh vực/ngành này được xem xét trong mối tương quan về chuỗi giá trị ngành du lịch. Các lĩnh vực/ngành có tương tác chặt chẽ và phối hợp lẫn nhau trong việc vận hành các chính sách ĐMST phục vụ sứ mệnh chung.



Hình 2. Khung MOIP cho sứ mệnh phát triển du lịch bền vững và thích ứng

Trong bối cảnh của nghiên cứu này, nhóm tác giả đã nhận dạng ra các mô hình du lịch đặc trưng của vùng ĐBSCL và các ngành dịch vụ cộng sinh. Từ đó, chúng tôi xác định các hồ sơ dự án tiềm năng để phục vụ phát triển du lịch bền vững và thích ứng cho vùng. Cụ thể, chúng tôi xem xét các ngành du lịch như: du lịch sinh thái và nông nghiệp, du lịch cộng đồng, du lịch gắn với văn hóa/di sản văn hóa, du lịch MICE (hội thảo, hội nghị, khen thưởng, sự kiện). Theo đó, một số hồ sơ dự án phục vụ chính sách đổi mới định hướng sứ mệnh gồm:

- Phát triển du lịch gắn với hoạt động bảo tồn thiên nhiên, hệ sinh thái bền vững;

- Phát triển du lịch gắn với thể mạnh sông nước, miệt vườn, du lịch sinh thái và du lịch nông nghiệp;
- Phát triển du lịch đảm bảo công bằng xã hội, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản và văn hóa bản địa;
- Phát triển mô hình du lịch MICE bền vững và phát thải thấp;
- Phát triển du lịch bền vững và thích ứng tại từng điểm đến, cơ sở lưu trú và dịch vụ lữ hành;
- Ứng dụng các tiến bộ khoa học & công nghệ trong hoạt động du lịch địa phương (ví dụ như số hóa di sản, số hóa các dịch vụ ngành du lịch);

- Phát triển, xúc tiến và quảng bá du lịch thông qua hình ảnh điểm đến bền vững;
- Phát triển nguồn nhân lực có hiểu biết, chuyên môn về phát triển du lịch bền vững và thích ứng với những thay đổi.

3.2 Một số định hướng chính sách phát triển du lịch bền vững và thích ứng

Khi áp dụng tư duy về bền vững và thích ứng từ lĩnh vực sinh thái vào trong lĩnh vực du lịch, điều này có nghĩa là chúng ta đang cố gắng hiểu cách thức các hệ thống tương tác giữa con người và tự nhiên, hoặc các hệ thống sinh thái xã hội, có thể được quản lý tốt nhất để đảm bảo rằng các dịch vụ hệ sinh thái thiết yếu (phục vụ du lịch) được sử dụng một cách bền vững và linh hoạt. Vì vậy, nhiệm vụ của các bên liên quan trong ngành du lịch là nhận ra mối quan hệ này và có giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực, cũng như phát huy khía cạnh tích cực trong việc định hình những thứ mà khách du lịch đến trải nghiệm và sử dụng.

Để thực hiện hiệu quả các chính sách ĐMST theo định hướng sứ mệnh này, sự hợp tác giữa các cơ quan chính phủ, khu vực công, các bên liên quan trong ngành, tổ chức nghiên cứu, giáo dục và cộng đồng địa phương là điều cần thiết. Việc đánh giá thường xuyên và điều chỉnh chính sách dựa trên những thách thức và cơ hội mới nổi cũng sẽ góp phần vào sự thành công lâu dài của những sáng kiến này. Bảng 2 trình bày một

số định hướng chính sách MOIP tiềm năng trong nghiên cứu này với mục tiêu áp dụng đầy đủ các ĐMST trong các ngành/lĩnh vực thuộc chuỗi giá trị ngành du lịch. Những nội dung định hướng chính sách sẽ được thực hiện chỉ khi các bên liên quan có được một tầm nhìn chung về phát triển ngành du lịch. Điều này đòi hỏi cách tiếp cận phối hợp từ dưới lên, từ trên xuống và trong nội bộ các dự án phát triển. Trong đó, nghiên cứu xác định một số lưu ý sau:

- Cần có các cơ chế phối hợp trong việc giám sát - đánh giá các tác động và hiệu quả của các chính sách được thực hiện. Việc đánh giá thường xuyên các hoạt động của ngành du lịch, thu thập phản hồi từ các bên liên quan sẽ có vai trò quan trọng trong việc định hướng các chiến lược của ngành trong giai đoạn tiếp theo.
- Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan, đặc biệt là giữa khu vực công và khu vực tư nhân. Quan hệ đối tác công-tư có thể tăng cường thực hiện chiến lược phát triển du lịch bằng cách tận dụng chuyên môn và nguồn lực từ cả hai khu vực.
- Cần đánh giá các nguồn lực và khả năng hiện có của các địa phương/điểm đến; và xác định các lợi thế cạnh tranh hoặc thế mạnh, tính độc đáo trong ngành du lịch của các địa phương. Từ đó có các chiến lược, tiếp cận chính sách phù hợp.

Bảng 2. Một số định hướng chính sách MOIP tiềm năng để phát triển du lịch bền vững và thích ứng

Định hướng	Hành động có thể cân nhắc
Đa dạng hóa ngành du lịch: Phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch để giảm sự phụ thuộc vào một nguồn thu nhập hoặc loại hình du lịch cụ thể	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Tăng cường hợp tác, nghiên cứu và phát triển các loại hình du lịch phù hợp với địa phương. ▪ Các tỉnh/thành trong vùng chia sẻ những hiểu biết, xu hướng du lịch, sở thích của du khách và nhu cầu thị trường để phục vụ các chiến lược phát triển du lịch hiệu quả của vùng.

ĐMST hướng tới du lịch bền vững: Phát triển các giải pháp sáng tạo để thúc đẩy các thực hành du lịch bền vững tại địa phương và tăng cường phúc lợi của cộng đồng nơi phát triển du lịch.

- Cung cấp các nguồn trợ cấp và quỹ/tài trợ cho các dự án nghiên cứu và phát triển (R&D) trong các lĩnh vực công nghệ phục vụ du lịch bền vững, hạ tầng thân thiện với sinh thái môi trường, và hỗ trợ cho các sáng kiến du lịch cộng đồng.

Chuyển đổi số trong ngành du lịch: Khai thác công nghệ kỹ thuật số để nâng cao trải nghiệm tổng thể của du khách, nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy các điểm đến du lịch thông minh.

- Đầu tư và hạ tầng kỹ thuật số, hỗ trợ phát triển các ứng dụng/nền tảng liên quan đến du lịch, khuyến khích các doanh nghiệp ứng dụng các công nghệ số như trí tuệ nhân tạo (AI), phân tích dữ liệu lớn và tương tác thực tế ảo vào trong hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch.
- Xây dựng và vận hành hệ thống đặt phòng trực tuyến, tiếp thị kỹ thuật số và các ĐMST khác giúp ngành du lịch trở nên linh hoạt hơn.

Quản lý khủng hoảng và khả năng phục hồi, thích ứng: Tăng cường khả năng thích ứng, phục hồi của ngành du lịch trước các cuộc khủng hoảng nói chung (gồm thiên tai, dịch bệnh và các sự kiện địa chính trị).

- Thành lập quỹ ĐMST ứng phó khủng hoảng để hỗ trợ các phát triển công nghệ và chiến lược quản lý khủng hoảng, tăng cường phối hợp giữa các bên liên quan và triển khai hệ thống cảnh báo sớm về những gián đoạn liên quan đến du lịch.
- Xây dựng chiến lược truyền thông, phân bổ nguồn lực hiệu quả để đối mặt với các tình huống khẩn cấp.

Bảo tồn di sản và văn hóa: Vận dụng các ĐMST để bảo tồn và phát huy các giá trị của di sản và văn hóa. Điều này nhằm đảm bảo sự tích hợp bền vững các di sản và văn hóa vào trong lĩnh vực du lịch.

- Thúc đẩy số hóa di sản, các nét văn hóa truyền thống bản địa.
- Hỗ trợ phát triển các công cụ kỹ thuật số, ứng dụng tương tác thực tế ảo và các công nghệ khác nhằm nâng cao việc giải thích, truyền tải thông điệp của di sản và văn hóa truyền thống.

ĐMST phục vụ phát triển du lịch bao trùm: Thúc đẩy sự ĐMST nhằm thúc đẩy tính toàn diện và khả năng tiếp cận trong du lịch, đảm bảo rằng các nhóm dân cư đa dạng có thể tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch tại địa phương.

- Hỗ trợ các sáng kiến phát triển hạ tầng du lịch dễ tiếp cận, các thiết kế mang tính bao trùm, và công nghệ kỹ thuật có tính đến việc đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật và các nhóm thiểu số.

Tăng cường sự tham gia và trao quyền cho cộng đồng: Trao quyền cho các cộng đồng bản địa thông qua ĐMST, đảm bảo họ có thể tham gia tích cực và hưởng lợi từ các hoạt động phát triển du lịch.

- Triển khai các sáng kiến thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp du lịch dựa vào cộng đồng, hỗ trợ doanh nghiệp địa phương và tận dụng công nghệ để kết nối cộng đồng với khách du lịch, đồng thời tôn trọng các giá trị văn hóa bản địa.
- Đồng thời, đưa cộng đồng địa phương vào quá trình lập kế hoạch và phát triển du lịch để đảm bảo họ có lợi từ ngành và có vai trò trong sự thành công của nó.

Phát triển du lịch có tác động tích cực với khí hậu (climate-positive tourism): Thúc đẩy sự ĐMST để biến hoạt động du lịch thành một động lực tích cực trong việc giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, thúc đẩy các lựa chọn du lịch phát thải ít carbon và giảm thiểu lượng khí thải của ngành du lịch.

- Khuyến khích phát triển công nghệ xanh, giải pháp năng lượng tái tạo và các phương án giao thông bền vững.
- Xây dựng chương trình chứng nhận cho các doanh nghiệp du lịch thân thiện với khí hậu.

Giáo dục và đào tạo: Cung cấp đào tạo, tập huấn, trao đổi kiến thức, kỹ năng cho các tác nhân trong ngành du lịch và cộng đồng địa phương. Điều này có thể cải thiện tính thích ứng nói chung cho lực lượng lao động trong ngành du lịch.

- Tập trung phát triển các kỹ năng chuyên môn cần thiết, điều này bao gồm các chương trình đào tạo, sáng kiến giáo dục, phát triển kỹ năng để đảm bảo rằng lực lượng lao động địa phương được trang bị để đóng góp cho chiến lược phát triển du lịch bền vững và thích ứng.
- Tạo điều kiện trao đổi kiến thức và thực tiễn tốt nhất giữa các khu vực khác nhau. Điều này có thể bao gồm các chương trình đào tạo, hội thảo và diễn đàn nơi các bên liên quan từ các khu vực khác nhau có thể học hỏi lẫn nhau và hợp tác về các hoạt động du lịch bền vững.

Xây dựng cơ sở hạ tầng: Đầu tư hạ tầng đồng bộ để phát triển du lịch từ hạ tầng đô thị, hạ tầng phục vụ cộng đồng đến hạ tầng giao thông.

- Đầu tư vào các dự án cơ sở hạ tầng đô thị theo hướng đảm bảo phúc lợi cộng đồng, bền vững và có khả năng thích ứng chống chịu.
- Đầu tư hạ tầng giao thông nhằm tăng cường kết nối giữa các vùng, bao gồm: mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt và sân bay, giúp khách du lịch di chuyển liền mạch giữa các vùng dễ dàng hơn.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Phát triển ngành du lịch bền vững và thích ứng là ưu tiên hàng đầu của các nước, trong đó có Việt Nam. Trong bối cảnh của Việt Nam nói chung và vùng ĐBSCL nói riêng, ngành du lịch đã và đang chứng minh đây là một ngành kinh tế mũi nhọn, và đang cần có nhiều chính sách hợp lý hơn nữa để phát triển ngành. Trong nghiên cứu này, nhóm tác giả đã đưa ra cách tiếp cận về việc làm chính sách một cách có hệ thống thông qua việc áp dụng khung chính sách ĐMST định hướng sứ mệnh (MOIP) đối với mục tiêu/sứ mệnh về phát triển ngành du lịch theo hướng bền vững và thích ứng. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng nghiên cứu chính sách phát triển ngành du lịch không thể chỉ bắt nguồn từ một ngành hoặc từ các nỗ lực riêng lẻ. Thay vào đó, MOIP đề xuất một cách tiếp cận chính sách theo hướng đa bên, phối hợp chặt chẽ giữa các tác nhân trong chuỗi giá trị ngành và tập hợp các hồ sơ dự án được định hướng rõ ràng. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng đề xuất việc áp dụng kết hợp các cách tiếp cận cả từ trên xuống (top-down) và từ dưới lên (bottom-up) và giữa các dự án trong ngành. Thông qua việc kết hợp này, chúng tôi chỉ ra rõ ràng tác động của tăng cường kết nối giữa khu vực công, khu vực tư nhân, các tổ chức hỗ trợ phát triển, sáng kiến cộng đồng và người sử dụng dịch vụ. Bộ khung thiết kế chính sách MOIP cung cấp một cái nhìn tổng quan về khái niệm định hướng sứ mệnh. Giá trị gia tăng chính của chính sách MOIP là sự kết hợp các chính sách đơn lẻ và thể chế hóa các đặc điểm chính sách dự kiến này trong một khái niệm tổng hợp. Trong cách tiếp cận MOIP,

ĐMST là một chiến lược phù hợp để ngành du lịch có thể phát triển một cách bền vững và thích ứng với các sự kiện không chắc chắn trong tương lai. Việc áp dụng ĐMST và tiến bộ khoa học công nghệ để giải quyết các thách thức xã hội cũng đang được các nhà làm chính sách nhận định là một hướng tiếp cận phù hợp và nên được ưu tiên. Thông qua ĐMST, các vấn đề của ngành du lịch có thể được giải quyết tốt hơn, tối ưu hơn và vận dụng được nguồn lực của nhiều bên liên quan. Thông qua nghiên cứu này, chúng tôi cũng xác định được các thách thức khi triển khai MOIP trong ngành du lịch bao gồm: (i) Đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch là đầy đủ từ đầu (từ giai đoạn xác định sứ mệnh đến thiết kế các dự án thành phần); (ii) Mặc dù ĐMST trong du lịch thông qua các giải pháp công nghệ là quan trọng và hợp thời đại. Tuy nhiên, cần để lại một số không gian cho các giải pháp phi công nghệ; (iii) Cần nhiều sự cam kết tham gia dài hạn, liên và xuyên ngành, và sự chủ động của các Bộ, ngành liên quan trực tiếp đến ngành du lịch và các thách thức trong ngành; (iv) Đảm bảo thiết kế một quá trình định hướng mang tính bao trùm nhưng không dẫn đến ‘lạm phát’ dự án hoặc pha loãng các mục tiêu phát triển du lịch bền vững và thích ứng. Trong tương lai, cần có những nghiên cứu kỹ lưỡng hơn để lập một ‘quỹ đạo chính sách MOIP’ cho ngành du lịch, có thể tính đến các định hướng như nghiên cứu các chương trình nghị sự định hướng sứ mệnh cấp quốc gia và khu vực, và các nghiên cứu - đánh giá tính khả thi của việc áp dụng MOIP vào thực tiễn xây dựng chính sách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hiền, T. Đ., Hà, T. T. T., Quân, N. M., Hằng, N. L., & Tiến, P. A. (2021). Chính sách ĐMST sáng tạo định hướng sứ mệnh. *Tổng Luận Khoa Học - Công Nghệ - Kinh Tế*, 12, 1-56. https://vista.gov.vn/vn-uploads/tong-luan/2021_12/tl12-2021.pdf.
- [2] Hjalager, A. M., & von Gesseneck, M. J. (2020). Capacity-, system- and mission-oriented innovation policies in tourism - characteristics, measurement and prospects. *Journal of Policy Research in Tourism, Leisure and Events*, 12(2), 197-216. <https://doi.org/10.1080/19407963.2019.1605609>.
- [3] Lamhour, O., Safaa, L., & Perkumienė, D. (2023). What Does the Concept of Resilience in Tourism Mean in the Time of COVID-19? Results of a Bibliometric Analysis. *Sustainability (Switzerland)*, 15(12), 9797. <https://doi.org/10.3390/su15129797>.
- [4] Mazzucato, M. (2018). Mission-oriented innovation policies: challenges and opportunities. *Industrial and Corporate Change*, 27(5), 803-815. <https://doi.org/10.1093/ICC/DTY034>.
- [5] Tabatadze, M., & Kumpf, B. (2022). Orientation Failure? Why Directionality Matters in Innovation Policy and Implementation. *Observatory of Public Sector Innovation*. <https://oecd-opsi.org/blog/orientation-failure-why-directionality-matters-in-innovation-policy-and-implementation>.